

Bản án số: 51/2022/DS-PT

Ngày 26-4-2022

V/v: *Tranh chấp lối đi và quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền và ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2021/TLPT-DS ngày 25/11/2021, về việc: “*Tranh chấp lối đi và đòi quyền sử dụng đất*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 05/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1947; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, bà Giáp Thị H2- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1956; bà C Thị D, sinh năm 1956; bà D ủy quyền cho ông Lê Văn Th, cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A- Luật sư thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn S và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện H đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

- UBND thị trấn Th, huyện H do ông Ong Thế D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

- Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1963, vắng mặt.

- Ông Lê Văn Th, sinh năm 1966, có mặt.

- Ông Lê Văn Th2 (tên gọi khác: Lê Quang Th2), sinh năm 1969, vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Toà án nhân dân huyện H, thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L trình bày: Về nguồn gốc thửa đất của gia đình ông T, bà L đang ở hiện nay và có tranh chấp với gia đình ông Lê Văn Th về lối đi và ranh giới quyền sử dụng đất là do bố mẹ ông T mua từ năm 1961 của ông Lê Văn K, diện tích khoảng 2 sào. Năm 1971 bố của ông T làm nhà trên đất. Năm 1976 vợ chồng ông T ở miền Nam ra và có mua của ông Cán 01 ao trước cửa nhà ông Lê Văn Hoan, sau đó ông T đổi cái ao đã mua của ông Cán để lấy 01 ao của ông H trước nhà ông T. Diện tích ao ông T đổi cho ông H là 02 sào. Ông T sử dụng đất và ao từ trước đến năm 2017 không có tranh chấp.

Năm 2007 gia đình ông T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 107, có các hướng tiếp giáp như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa đất của gia đình ông Th và ông Th2; cạnh phía Nam giáp nhà ông L và ông Ch; cạnh phía Đông giáp đường đi của thôn; cạnh phía Tây giáp đất của gia đình ông Th và đường đi của thôn (đang có tranh chấp giữa gia đình ông T và gia đình ông Th). Ông T, bà L xác định trước đây cạnh phía Tây thửa đất của gia đình ông T có đường đi chiều dài khoảng 20m, chiều rộng khoảng 7- 8m, gia đình ông T vẫn sử dụng để đi lại. Con đường này trước đây cũng là đường đi của gia đình ông Ch và gia đình ông Th2. Tháng 5/2017 ông Th lấp ao của gia đình ông Th và tự ý rào chắn lại con đường, không cho gia đình ông T đi qua đường này nữa. Ông Th mở 01 con đường mới từ đất của gia đình ông Th2 qua đất của gia đình ông Th để gia đình ông Ch (là em ruột của ông Th) có lối đi ra đường làng.

Nay ông T, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết để buộc ông Lê Văn Th phải mở lại lối đi chung dọc theo gianh giới đất giữa gia đình ông T và đất của gia đình ông Th (trước đây là cái ao và ông Th đã đổ đất san lấp thành thửa đất hiện nay) và hiện ông Th đã xây vít lại không cho gia đình ông T đi. Ông T xác định trước đây có một lối đi cũ dọc theo đất của gia đình ông T và đất ao của gia đình ông H để đi thông sang đường hiện nay ông T mở cổng chính; cổng phụ của gia đình ông T vẫn đi theo lối đi cũ dọc theo biên giới đất của gia đình ông T và đất ao của gia đình ông Th. Do không có nhu cầu đi đoạn đường giáp gianh giữa gia đình ông T và ao của gia đình ông H vì gia đình ông T mua lại cái ao của của gia đình ông H nên gia đình ông T đã lấn ra phần lối đi này (vì phần lối đi này chỉ gia đình ông T đi). Năm 2017 gia đình ông Th lấp ao và xây vít lối đi phía cổng phụ của gia đình ông T nên mới xảy ra tranh chấp. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết để buộc ông Th, bà D phải mở lại lối đi ở phía cổng phụ (phía Tây) của gia đình ông T để gia đình lấy lối đi lại, chiều dài của lối đi này khoảng 20m, chiều rộng khoảng 7m- 8m, lối đi này gia đình ông đã sử dụng từ khi mua đất cho đến khi ông Th rào lại.

Về yêu cầu phản tố của ông Th yêu cầu gia đình ông T phải trả lại 50m² đất mà gia đình ông Th cho rằng gia đình ông T đã lấn chiếm đất của gia đình ông Th dọc theo gianh giới đất giữa gia đình ông T và bờ tre của gia đình ông Th, ông T không đồng ý, vì gianh giới đất của gia đình ông T không giáp bờ tre của gia đình ông Th mà giáp với lối đi cũ hiện nay gia đình ông Th xây vít lại và ông T đang yêu cầu ông Th phải mở lại để gia đình ông T có lối đi.

Bị đơn ông Lê Văn Th trình bày: Diện tích đất mà ông T xác định là lối đi chung chính là diện tích đất ao vườn (khoảng 2 sào) mà bố mẹ của ông Th là cụ Lê Văn Th³, cụ Nguyễn Thị Nh để lại cho vợ chồng ông Th, hiện nay chưa được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng thửa đất của gia đình ông hiện nay đã được phân định rõ ràng. Khoảng năm 1995 đến năm 1996 gia đình ông T đã xây tường bao hết đất ở giáp bờ ao để phân định gianh giới. Vì bờ ao của gia đình ông Th dùng để đi tắt ra đồng từ năm 1992, đến năm 2017 gia đình ông Th lấp ao, tân thành vườn như hiện nay nên gia đình ông Th đã rào lại đất. Trước đây gia đình ông T đi nhờ trên đất của gia đình ông Th để đi ra ngoài đồng, nhưng nay gia đình ông Th đã tân ao nên ông Th rào lại không cho gia đình ông T đi nhờ nữa. Ông Th xác nhận trước năm 1975 thì có lối đi cũ ở phần giáp gianh đất của gia đình ông T và đất ao của gia đình ông H, sau đó gia đình ông T mua lại ao của gia đình ông H thì gia đình ông T lấn đoạn đường này, còn gia đình ông Th lấn đoạn đường giáp với góc đất ao của gia đình ông Th. Phần giáp gianh giữa ao của gia đình ông Th và đất ở của gia đình ông T không phải là đường đi cũ như ông T trình bày mà là bờ tre của gia đình ông Th trồng.

Ông Th xác định thửa đất của gia đình ông Th có từ lâu đời do các cụ để lại cho ông nội ông, đến bố ông và hiện nay là ông. Ông chỉ nhớ bố ông kể lại năm 1978 Hợp tác xã lập bản đồ và đo lại toàn bộ diện tích đất của gia đình ông lúc đó là 01 thửa, hiện nay là 04 thửa. Do ông đi công tác liên tục từ năm 1974 đến năm 2005 mới về nên không có thời gian để làm sổ đỏ và nắm tình hình do bố mẹ ông và các em ông sử dụng toàn bộ thửa đất và ao lúc ấy. Từ những năm 1970 về trước có con đường của làng đi từ phía nhà cụ Đình qua đất nhà ông T sang đất nhà ông (nhà ông là cuối đường gọi là cổng đồng) và từ những năm 1970 lại đây đường làng mở đường mới nên không đi nữa, của nhà nào nhà đấy sử dụng. Phần của gia đình ông rào kín hoàn toàn không đi đến. Đến năm 1995 do các em của ông trưởng thành lấy vợ, lấy chồng, để tiện đường đi làm đồng các em ông tự mở đường để đi lại. Lúc đấy nhà ông T đã xây tường kín toàn bộ. Đến khoảng năm 1999-2000 khi bờ tường nhà ông T bị đổ do mưa nhiều, chân tường yếu, gia đình ông T xây lại có để một lối đi sang vườn nhà ông, ban đầu ông không đồng ý, do ông T có đề nghị cho ông T để một cổng lách nhỏ chạy đi chạy lại thăm ruộng lúa liền kề gần bờ ao của gia đình ông, khi nào ông sử dụng thì ông T vít lại nên gia đình ông Th đồng ý cho gia đình ông T mở một lối đi tạm (cổng lách). Khi cho ra đình ông T đi tạm lối đi này hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau là khi nào gia đình ông Th cần thì trả lại gia đình ông Th, ông T nói khi nào cần thì ông T vít lại, hai bên không làm văn bản gì.

Đến đầu năm 2017 do gia đình ông Th lấp ao trồng cây nên đã đòi lại lối đi cho gia đình ông T mượn đi tạm, xây tường xung quanh để bảo vệ cây trồng trong đất này, còn đường chính để đi lại gia đình vẫn đang sử dụng đường bê tông hiện có. Do

đó ông Th xác định toàn bộ đất ao ông Th san lấp và xây tường xung quanh là đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Th, không có lối đi nào từ đất của gia đình ông T đi qua. Thửa đất này hiện nay gia đình ông Th vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì trước đây Nhà nước có vẽ đo để cấp sổ đỏ, khi đó ông Th không trực tiếp đi cùng để đo. Khoảng năm 2011-2012 UBND xã Đức Thắng có gọi ông ra để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên, khi ông Th ra nhận thấy diện tích đất trong giấy chứng nhận không đúng thực tế nên ông Th không nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND xã giao cho ông Th.

Nay ông T, bà L yêu cầu gia đình ông Th mở lại lối đi như ông T yêu cầu, ông Th không đồng ý, vì đất giáp ranh đất nhà ông T là đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Th từ trước đến nay, còn phần lối đi cũ ở góc ao gia đình ông Th đã sử dụng từ những năm 1975 đến nay ổn định, không có tranh chấp với ai, chỉ đến năm 2018 thì gia đình ông T mới tranh chấp với gia đình ông Th. Phần đường cũ ông T đã đào làm ao hết (bên địa phận gia đình ông T). Nay ông T lại đòi mở cổng sang bên đất gia đình ông là hoàn toàn vô lý, không thể chấp nhận được.

Ngoài ra, ông Th xác định vợ chồng ông T, bà L khi xây tường bao đã lấn chiếm đất (phần bờ tre cũ-khoảng 50m²) của gia đình ông đo trên thực tế có chiều dài là 16,99m, chiều rộng là 2,20m, diện tích là 37,1m². Vì ông xác định theo bản đồ xanh năm 1978 thì diện tích đất ao vườn của gia đình ông giáp với đất của gia đình ông T có ranh giới là một đường thẳng. Tuy nhiên, hiện nay trên thực tế đất nhà ông T lại khuynh ra khoảng 50m². Ông cho rằng nhà ông T đã lấn chiếm diện tích đất vườn của gia đình ông. Vì vậy, ông Th yêu cầu ông T, bà L phải trả lại cho gia đình ông Th khoảng 50m², đo đạc thực tế có kích thước dài là 16,99m, chiều rộng là 2,20m, diện tích là 37,1m² đất ở phần giáp ranh giữa đất của gia đình ông T và đất của gia đình ông Th (phần bờ tre cũ, theo bản đồ xanh là thửa số 92, diện tích 692m²; còn theo bản đồ năm 2004 là thửa số 106).

Đối với việc cơ quan chuyên môn lập bản đồ tại thôn A trong đó có diện tích đất của gia đình ông năm 2004, thời gian đó ông đang ở nước ngoài nên không biết. Đến khi xảy ra tranh chấp ông mới biết về bản đồ năm 2004 đối với diện tích đất của gia đình ông. Ông không đồng ý với việc Cơ quan chuyên môn tự ý quy hoạch đường đi trên đất của gia đình ông. Ông đã có ý kiến bằng miệng với nhân viên địa chính của xã Đức Thắng, tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được câu trả lời. Ông xác định trước đây bố ông có để lại một con đường đi cách nhà ông T 1,8m, vì ranh giới trước đây giữa nhà ông và nhà ông T là bờ tre. Bố ông có dặn lại là sau khi lấp ao thì mở con đường như ông đã mở hiện nay để chia tách diện tích đất vườn của gia đình ông làm hai phần.

Bị đơn bà C Thị D trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của ông Th (chồng bà). Bà xác định lối đi mà ông T, bà L đang tranh chấp với gia đình bà là đất của gia đình bà. Diện tích đất này được bố mẹ chồng bà là cụ Lê Văn Th3 và cụ Nguyễn Thị Nh cho vợ chồng. Nay gia đình ông T, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải mở cổng để có lối đi ra đồng, bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang Th2 trình bày: Ông là em trai út của ông Th. Sau khi ông đi nghĩa vụ trở về địa phương năm 1989, đến năm 1992 gia đình bố mẹ ông tổ chức xây nhà để cho các con có chỗ ở và từ trước năm

ông đi nghĩa vụ quân sự, ông là người chặt tre, phá lũy để làm đường đi hiện tại bây giờ. Với gia đình ông T muốn mở đường đi qua đó là không đúng vì ông T không có đất mà ông lại muốn lấy đất của người khác để làm đường đi của mình là anh em ông không chấp nhận và không cho phép, đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Ông sinh năm 1966, khi lớn lên từ lúc đi học gia đình ông vẫn đi một cổng qua đầu hồi nhà ông T và bà N như hiện nay. Ông chỉ được nghe kể lại trước đây cả làng chỉ có 02 cổng, trong đó có 01 cổng đi qua cửa nhà ông T ra qua đất của gia đình ông qua cổng mới mở hiện nay. Đầu năm 1970 thì không đi nữa, toàn bộ phần con đường đi qua nhà nào thì nhà đó sử dụng, trong đó có gia đình ông T và gia đình ông. Còn về con đường ông T tranh chấp với gia đình ông Th hiện nay, ông T cho rằng đường đi của gia đình ông T qua đó từ trước đến nay là không đúng vì gia đình ông chỉ có một cổng như đã trình bày ở trên. Sau khi anh em ông xây dựng gia đình, đến sau năm 1990 gia đình ông mới mở ra để tiện cho việc đồng áng và nó được hình thành đến nay. Còn bức tường mà gia đình ông T xây tiếp giáp với phần vườn của gia đình ông là xây sau khi gia đình ông mở đường (vì trước đây là dây lũy tre). Ông T mở lối đi lúc nào thì ông không rõ vì lúc đó ông đang phục vụ tại ngũ trong quân đội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Chư: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của các đương sự nêu trên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của ông Ch.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn Th trình bày: Mối quan hệ giữa ông Lê Văn T và ông Lê Văn Th là anh em họ hàng nội tộc, nhà ở liền kề nhau. Về nguồn gốc lối đi có tranh chấp, địa phương xác định từ bờ ao nhà ông T ra đến cổng làng (cổng đồng) là lối đi chung của thôn A từ trước. Từ khoảng năm 1983 đến năm 1990 lúc đó bố ông Th là cụ Lê Văn Th3 còn sống và đang ở với con trai là ông Lê Văn Th2, đã mở một lối đi từ nhà ông Th2 ra lối đi của thôn để đi ra cổng đồng. Lối đi này được mở chung dọc theo đất nhà ông T rộng khoảng 7 mét. Năm 2004 Nhà nước đo đạc lại bản đồ đất thổ cư (đo bằng máy). Thời điểm năm 2004 cụ Lê Văn Th3 vẫn còn sống, lúc đó cụ Th3 không định để con đường chạy dọc theo đất nhà ông T nữa, nhưng lãnh đạo thôn có ý kiến nếu không để con đường đó thì các hộ ở trong như nhà ông Th2, ông Trư không có lối ra nên cụ Th3 đồng ý mở con đường để cho các con làm lối đi. Do cụ Th3 (bố ông Th) đồng ý mở lối đi nên lối đi đó đã được quy hoạch vào bản đồ địa chính từ năm 2004. Sau khi đo đạc sơ đồ đất xong, thôn đã thông báo công khai cho các hộ và các hộ đều ký xác nhận tại Nhà văn hóa thôn từ năm 2004, không ai có khiếu kiện thắc mắc gì. Năm 2004 khi quy hoạch bản đồ thì ông Th không có nhà mà đang ở nước Nga. Thời điểm bố ông Th (cụ Th3) mở con đường giáp nhà ông T thì rộng khoảng trên dưới 2 mét, hiện nay đo thực tế rộng 7 mét tính từ mép ao vào tường nhà ông T, bao gồm cả đường đi và phần ông Th trồng cây. Nay địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào bản đồ quy hoạch năm 2004 để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Lối đi phía Tây của gia đình ông T đi qua diện tích đất ao nhà ông Th đã hình thành từ lâu, hai bên không có tranh chấp gì. Vị trí hiện nay gia đình ông T vẫn để cửa đi nhỏ trên bức tường xây gianh giới giữa hai thửa đất là vị trí đường đi của gia

đình ông T đi ra đồng qua đất ao nhà ông Th từ trước đến năm 2017 không có tranh chấp gì. Lối đi này không nằm trong diện tích đất ao của gia đình ông Th được sử dụng, chỉ đến năm 2017 ông Th lấp ao và xây tường rào không cho gia đình ông T đi qua đất ao thì mới phát sinh tranh chấp.

Đối với thửa đất ao của gia đình ông Th đang có tranh chấp về lối đi, năm 2013 ông Th đã làm thủ tục để Nhà nước cấp giấy CNQSD đất theo diện Nghị định 191. Trong hồ sơ cấp GCNQSD đất cho gia đình ông Th vẫn thể hiện có lối đi của gia đình ông T ở giữa đất gia đình ông Th. Tuy nhiên, do gia đình ông Th chưa nộp tiền thuê sử dụng đất nên Nhà nước chưa cấp giấy CNQSD đất cho gia đình ông Th. Thửa đất này nằm trên tờ bản đồ số 13, còn số thửa địa phương chưa xác định được vì hồ sơ đang do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H quản lý.

Đối với bức tường gia đình ông T xây để phân tách gianh giới giữa đất của gia đình ông T và đất ao của gia đình ông Th được xây từ khoảng năm 1990, từ khi xây đến nay không xảy ra tranh chấp với ai.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện H trình bày: Về việc cấp giấy CNQSD đất: Năm 2004, hộ ông T được cấp giấy CNQSD đất theo Quyết định số 24/QĐ-UB ngày 19/5/2004. Diện tích 1325m². Sau khi xã Đức Thắng (nay là thị trấn Th) được đo đạc bản đồ chính quy, ngày 31/5/2007 UBND huyện cấp đổi GCNQSD đất cho gia đình ông T, số GCQSD đất được cấp là ADD 418099, diện tích 1426,6m². Qua kiểm tra xem xét thấy việc cấp GCNQSD đất năm 2004, 2007 cho hộ ông T đảm bảo đúng quy định của pháp luật, diện tích năm 2007 có sai khác do sai số đo đạc.

Về việc cấp GCNQSD đất số BP 146387 cho ông Lê Văn Th, bà C Thị D, cấp ngày 02/8/2013 mục đích nuôi trồng thủy sản (thửa 106, tờ 13, diện tích 646,7m²) đảm bảo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Do hai gia đình đã được cấp GCNQSD đất theo số liệu đo đạc chính; đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét giải quyết vụ việc trên cơ sở GCNQSD đất đã cấp cho hai gia đình.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà là em dâu của ông Th, còn bà với vợ chồng ông T là họ hàng nội tộc với nhau. Bà kết hôn với ông Lê Văn Tr (em ruột ông Th) từ năm 2001, khi bà về làm dâu thì gia đình nhà chồng cho ở riêng luôn. Trước cửa nhà bà là một cái ao của bố chồng bà là cụ Lê Văn Th3, diện tích ao khoảng hơn 01 sào. Mặt bờ ao giáp đất nhà ông T là đường đi, con đường này rộng khoảng 4 mét do ai mở và mở từ bao giờ bà không biết vì khi bà về làm dâu đã có con đường này rồi. Đường này chủ yếu chỉ có gia đình bà và nhà ông Th2 đi. Nhà ông T thì có 01 cái cổng phụ mở ra con đường này. Cổng phụ nhà ông T mở ra con đường này từ khi nào bà không biết, vì khi bà về làm dâu thì đã có con đường này. Năm 2017 ông Th làm một con đường bê tông nằm trên đất nhà ông Th2 và đất nhà ông Th để làm lối đi chung cho gia đình bà, gia đình ông Th2 và gia đình ông Th. Sau khi làm xong con đường này thì ông Th lấp ao và vít con đường đi giáp nhà ông T lại không cho gia đình bà và gia đình ông T đi ra con đường đó nữa, bà đã báo cáo chính quyền thôn đến giải quyết. Khi thôn đến giải quyết thì ông Th đã mở một con đường khác nằm trên phần ao mà ông Th đã lấp cho gia đình bà đi, còn con đường cũ thì ông Th rào lại không cho nhà ông T đi ra. Con đường đó từ khi bà về làm dâu đến

nay chỉ có nhà bà và nhà ông Th2 đi là chính, nhà ông T thì ít đi qua con đường này. Nhưng từ khi bà về làm dâu tới nay bà vẫn thấy các cụ nói con đường mà hiện nay ông Th rào không cho nhà bà và nhà ông T đi là đường làng. Năm 2004 Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính, khi đo đất ông Th đang ở Liên Xô không có nhà, thời điểm đó bố chồng bà vẫn còn sống và bố chồng bà cũng đồng ý để con đường đó làm lối đi chung.

Với nội dung vụ án nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 165; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 175; Điều 275; Điều 288; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Lê Văn Th và bà C Thị D mở lối đi.

Buộc ông Lê Văn Th và bà C Thị D phải có trách nhiệm liên đới tháo dỡ rào chắn mở lại lối đi cho gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L về phía Tây thửa đất số 107, tờ bản đồ số 13, diện tích 1424,6m² mang tên ông Lê Văn T, sinh năm 1947, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn A, xã Đức Thắng (nay là tổ dân phố A, thị trấn Th), huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 418099, ngày 31/5/2007. Lối đi có chiều rộng là 2,5m, chiều dài là hai đường gấp khúc dọc theo gianh giới thửa đất số 107, tờ bản đồ số 13 của gia đình ông T và thửa đất số 106, tờ bản đồ số 13 của gia đình ông Th (có sơ đồ kèm theo), từ vị trí gia đình ông T mở cổng lách ở bức tường xây trên gianh giới hai thửa đất về phía Tây thửa đất của gia đình ông T đến đường đi của tổ dân phố A ra phía Cổng Đồng, cụ thể lối đi có các điểm như sau: Cạnh phía giáp thửa đất số 106 của gia đình ông Th là các đoạn thẳng: Từ điểm A6 đến điểm A7= 2,5m, từ điểm A7 đến điểm B1=16,21m và từ điểm B1 đến điểm B2 là 8,69m; cạnh phía giáp thửa đất của gia đình ông T là các đoạn thẳng nằm trên gianh giới đất của gia đình ông T: Từ điểm A5 đến điểm 1= 9,50m+ 6,30m, từ điểm 1 đến điểm 2= 0,97m; cạnh phía Nam giáp thửa đất số 106: Từ điểm 2 đến điểm 3=11,28m.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Th về việc yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho gia đình ông Th khoảng 50m² (đo đạc thực tế có kích thước: Chiều dài 16,99m, chiều rộng 2,20m, diện tích là 37,1m² đất) ở phần giáp gianh giữa đất của gia đình ông T và đất của gia đình ông Th (ông Th xác định là phần bờ tre cũ, theo bản đồ xanh là thửa số 92, diện tích 692m², còn theo bản đồ năm 2004 là thửa số 106).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá tài sản, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/9/2021, ông Lê Văn Th kháng cáo bản án, với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX bác đơn khởi kiện của ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn kháng cáo không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Lê Văn Th cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm xét xử là đảm bảo, đúng quy định của pháp luật, không có việc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Th, bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L và hủy bản án sơ thẩm vì Thẩm phán không được ban hành sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất để xác định và giải quyết. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Th về việc yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho gia đình ông Th khoảng 50m², đo đạc thực tế có kích thước dài là 16,99m, chiều rộng là 2,20m, diện tích là 37,1m² đất ở phần giáp ranh giữa đất của gia đình ông T và đất của gia đình ông Th (phần bờ tre cũ, theo bản đồ xanh là thửa số 92, diện tích 692m²; còn theo bản đồ năm 2004 là thửa số 106) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn Th và bà C Thị D.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tiến hành đảm bảo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Th đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 26/4/2022, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, trừ ông Lê Văn Th có mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Th, HĐXX thấy:

[2.1]. *Về quan hệ tranh chấp:* Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bên đương sự đều thừa nhận trước năm 1975 có một lối đi cũ ở phần giáp ranh đất của gia đình ông T và đất ao của gia đình ông H qua đất của gia đình ông Th để ra phía cổng đồng. Sau đó gia đình ông T mua lại ao của gia đình ông H thì gia đình ông T lấn đoạn đường qua đất của gia đình ông T. Đối với đoạn đường từ đất của gia đình ông T đi ra cổng đồng, ông T và bà L xác định gia đình ông T vẫn đi lại từ trước cho đến năm 2017 thì gia đình ông Th đã lấp ao và rào lối đi này của gia đình ông T lại.

Phía ông Th xác định sau khi gia đình ông T lấn đoạn đường ở phần đất của gia đình ông T thì gia đình ông Th cũng lấn đoạn đường giáp với góc đất ao của gia đình ông Th luôn từ thời gian ông T lấn đường. Đến năm 1995 do các em của ông Th trưởng thành lấy vợ, lấy chồng, để tiện đường đi làm đồng nên các em ông Th tự mở đường dọc theo ranh giới đất của gia đình ông T để đi lại. Khoảng năm 1999-2000 ông T mở cổng lách và đi nhờ qua đường này của gia đình ông Th, ông T nói khi nào cần thì ông T vít lại. Đến đầu năm 2017 do gia đình ông Th lấp ao trồng cây nên đã

rào lại lối đi gia đình ông T mượn đi tạm, không cho gia đình ông T đi qua lối đi này nữa. Vì vậy, hai bên đã phát sinh tranh chấp, ông T và bà L đã có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th và bà D phải mở lại lối đi ở phía cổng phụ của gia đình ông T để gia đình lấy lối đi lại, chiều dài của lối đi khoảng 20m, chiều rộng khoảng 7m- 8m, lối đi này gia đình ông T đã sử dụng từ khi mua đất cho đến khi ông Th rào lại.

Ông Th, bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L, đồng thời xác định ông T và bà L đã lấn chiếm đất của gia đình ông Th nên đã có đơn phản tố yêu cầu ông T, bà L phải trả lại cho gia đình ông Th khoảng 50m², đo đạc thực tế có kích thước chiều dài là 16,99m, chiều rộng là 2,20m, diện tích là 37,1m² đất, ở phần giáp gianh giữa đất của gia đình ông Th và đất của gia đình ông T (phần bờ tre cũ, theo bản đồ xanh là thửa số 92, diện tích 692m²; còn theo bản đồ năm 2004 là thửa số 106).

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Th, bà C Thị D phải mở lại lối đi ở phía cổng phụ của gia đình ông T để gia đình ông T lấy lối đi lại, chiều dài của lối đi này khoảng 20m, chiều rộng khoảng 7m- 8m.

Theo bản đồ đo đạc chính quy thể hiện rõ là có con đường đi dọc theo gianh giới giữa hai thửa đất số 107 của gia đình ông T và thửa đất số 106 (đất nuôi trồng thủy sản) của gia đình ông Th để ra đường công đồng. Qua trao đổi, xác minh với địa phương cung cấp và xác định: Từ bờ ao của gia đình ông T đến cổng làng (cổng đồng) là lối đi chung của thôn A từ trước. Đến khoảng năm 1983-1990 lúc đó cụ Lê Văn Th3 (bố ông Th) mở một lối đi từ nhà ông Th2 ra lối đi của thôn để đi ra cổng đồng. Lối đi này được mở chạy dọc theo đất nhà ông T đến lối đi chung của thôn. Năm 2004 Nhà nước đo đạc lại bản đồ, cụ Th3 lúc đó không định để con đường này nữa, nhưng lãnh đạo thôn có ý kiến nếu cụ Th3 không để con đường này thì các gia đình ở trong, cụ thể là các con cụ Th3 không có lối đi nên cụ Th3 đồng ý mở đường cho các con cụ Th3 *rộng khoảng trên dưới 2 mét*, hiện nay đo thực tế rộng 7 mét tính từ mép ao vào tường nhà ông T, bao gồm cả đường đi và phần ông Th trồng cây. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 106 mà gia đình ông Th có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất ngày 15/4/2013, đã làm hồ sơ cấp giấy CNQSD đất và UBND huyện H đã cấp GCNQSD đất số BP 164387 ngày 02/8/2013 đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 13, diện tích 646,7m² đất nuôi trồng thủy sản, cũng thể hiện có đường đi ở giữa hai thửa đất của gia đình ông Th và gia đình ông T.

Các bản đồ địa chính do Nhà nước lập năm 1980, 1984 và 2004 đều thể hiện có đường đi từ cạnh phía Tây thửa đất của gia đình ông T ra phía cổng đồng của tổ dân phố A. Tuy nhiên, địa phương xác định từ bờ ao của gia đình ông T đến cổng làng là lối đi chung của thôn A có từ trước, còn từ bờ ao của gia đình ông T lên đến đất của gia đình ông Trư, ông Th2 là do gia đình cụ Th3 tự mở để cho gia đình ông Trư, ông Th2 đi lại, nay các ông Th2, ông Thành, ông Th là con của cụ Th3 không đồng ý mở đoạn đường này nữa, do phần đường này là đất của gia đình cụ Th3 giành để làm đường cho các con đi lại, nên không có cơ sở để buộc ông Th phải mở lại đoạn đường này.

Đối với đoạn đường xác định từ bờ ao của gia đình ông T, các đương sự đều thừa nhận trước đây có con đường này, ông Th xác định gia đình ông đã lấn chiếm từ năm 1975, tuy nhiên ông T và địa phương đều xác định đoạn đường đó là lối đi chung của thôn A từ trước cho tới nay và bản đồ Nhà nước lập qua các thời kỳ đều thể hiện vẫn có lối đi. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông T có cơ sở chấp nhận một phần, cần buộc ông Lê Văn Th và bà C Thị D phải có nghĩa vụ mở lại lối đi cho gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L về phía Tây thửa đất thửa số 107, tờ bản đồ số 13, chiều rộng của lối đi là 2,5m, chiều dài của lối đi là hai đường gấp khúc dọc theo gianh giới thửa đất số 107, tờ bản đồ số 13 của gia đình ông T và thửa đất số 106, tờ bản đồ số 13 của gia đình ông Th, từ vị trí gia đình ông T mở cổng lách ở bức tường xây trên gianh giới hai thửa đất đến đường đi của tổ dân phố A ra đến cổng làng (cổng Đồng), không có cơ sở xác định lối đi này có chiều rộng khoảng 7 đến 8 mét và chạy dọc theo gianh giới đất của gia đình ông T và gia đình ông Th ra đến cổng đồng như ông T, bà L khởi kiện.

[2.3]. Xét yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Th đề nghị ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho gia đình ông Th khoảng 50m², đo đạc thực tế có kích thước: Chiều dài 16,99m, chiều rộng 2,20m, diện tích là 37,1m² đất ở phần giáp gianh giữa đất của gia đình ông T và gia đình ông Th (ông Th xác định là phần bờ tre cũ, theo bản đồ xanh là thửa số 92, diện tích 692m², còn theo bản đồ năm 2004 là thửa số 106).

Các đương sự đều thừa nhận và địa phương cũng xác định từ năm 1983- 1990 gia đình cụ Th3 (bố của ông Th) mở đường dọc theo đất của gia đình ông T kết lối với đường đi chung của thôn, nay là tổ dân phố A, gia đình ông T đã xây tường phân định gianh giới đã từ lâu và không có tranh chấp gì. Mặt khác, diện tích thửa đất số 106 của gia đình ông Th ghi trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 646,7m² so với kết quả đo đạc hiện trạng địa chính thửa đất ngày 30/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì diện tích thực tế thửa đất số 106 hiện nay của gia đình ông Th cao hơn so với diện tích ông Th làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với diện tích thửa đất của gia đình ông T đo thực tế là 1387,9m² so với giấy CNQSD đất của gia đình ông T là 1424,6m² thì gia đình ông T diện tích thửa đất hụt đi, các cạnh của thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đo đạc thực tế hiện nay cơ bản không có gì thay đổi, nên không có cơ sở xác định gia đình ông T lấn chiếm đất của gia đình ông Th. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Th không được bản án sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Quan hệ giữa ông Lê Văn Th và bà C Thị D là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bản án sơ thẩm buộc ông Lê Văn Th và bà C Thị D phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc tháo dỡ rào chắn và các tài sản có trên phần lối đi để mở lại lối đi cho gia đình ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ trong đó có việc đo đạc hiện trạng thửa đất để xác định diện tích đất, tài sản trên đất đang tranh chấp theo quy định tại Điều 101 BLTTDS và không có vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng.

Với những phân tích và căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy kháng cáo của ông Lê Văn Th đối với toàn bộ bản án sơ thẩm là không có cơ sở nên HĐXX bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa đề nghị là có căn cứ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Lê Văn Th không được chấp nhận nhưng ông Th thuộc đối tượng người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Th được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn Th.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS, THADS huyện H;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Nâu